

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Three - Color Stone Stationery (Việt Nam) ngày 26 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 386/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Three - Color Stone Stationery (Việt Nam), địa chỉ tại Lô CN10-3, khu công nghiệp Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất đồ dùng văn phòng phẩm tại Lô CN10-3, khu công nghiệp Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất đồ dùng văn phòng phẩm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN10-3, khu công nghiệp Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801280373 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/02/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/08/2022; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4351307225 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 12/02/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2 ngày 07/10/2022.

1.4. Mã số thuế: 0801280373.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ dùng văn phòng phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích đất sử dụng: 11.600 m².

- Quy mô: Dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); Dự án đầu tư thuộc nhóm III theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất:

+ Sản xuất vở viết, phong bì, văn phòng phẩm từ giấy công suất: 150.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công các loại kẹp file, cặp file tài liệu và đồ dùng học tập công suất 150.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất bút, bút chì các loại, lõi bút chì công suất 200.000.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại giấy phép môi trường này:

+ Sản xuất vở viết: Giấy cuộn → Xả cuộn → In dòng kẻ, ô ly → Cắt định lượng theo khổ ngang → Xếp bìa → Dập ghim → Gập quyển → Cắt rời quyển → Đóng gói → Nhập kho, chờ xuất.

+ Sản xuất phong bì, các loại văn phòng phẩm khác: Giấy cuộn → Dỡ cuộn → Cắt theo khuôn → In offset → Gấp, dán → Quét keo mép → Kiểm tra, đóng gói.

+ Sản xuất, gia công các loại kẹp file, cặp file tài liệu và đồ dùng học tập: Nguyên liệu (Giấy Bristol) → Máy in (Offset) → Máy cán màng → Cắt theo kích thước → Máy bế khuôn → Đóng gói, xuất xưởng.

+ Sản xuất bút, bút chì các loại, lõi bút chì: Gỗ nhập về → Sẻ rãnh → Tra ruột chì + Quét hồ → Ép 2 phiến gỗ lại → Cắt → Sơn → Dập nhãn mác → Gắn đầu tẩy → Đóng gói, xuất xưởng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom và xử lý nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Three - Color Stone Stationery (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành.

Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (Giấy xác nhận số 47/GXN-STNMT ngày

24/3/2021) của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Three - Color Stone Stationery (Việt Nam);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT&HN - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1595/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tân Trường, không thải ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Tân Trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sau bể tự hoại từ nhà xưởng, nhà văn phòng theo ống nhựa PVC D200; độ dốc $i=10\%$, tổng chiều dài 170m chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tân Trường.

+ Nước thải từ nhà ăn: Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ $5m^3$ sau đó theo đường ống PVC D200 có chiều dài 2m, độ dốc $i=10\%$ tự chảy vào đường ống chung với nước thải sinh hoạt.

- Đối với nước thải sản xuất:

Nước thải rửa trực in được thu gom về bể thu gom, bơm lên thiết bị hợp khối xử lý hoá lý, sau đó được dẫn bằng ống nhựa PVC $\Phi 34$, chiều dài 1,5m vào đường ống PVC D42, L=16m chảy vào hệ thống thoát nước thải PVC D200 của toàn nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tân Trường.

- Dung tích thiết kế:

+ 01 bể tự hoại thể tích 20m³ đặt ngầm dưới nhà vệ sinh khu vực xưởng sản xuất.

+ 01 bể tự hoại thể tích 15m³ đặt ngầm dưới nhà vệ sinh khu nhà ăn, nhà nghỉ và khu văn phòng.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải rửa trực in → Bể thu gom → Ngăn chứa hoá chất → Ngăn phản ứng hoá lý - đông keo tụ → Ngăn phản ứng khí học → Ngăn lọc than hoạt tính → Ngăn lắng → Hệ thống xử lý nước thải của KCN.

- Dung tích thiết kế hệ thống xử lý: Công suất 5m³/ngày.

- Thông số kỹ thuật: Bể thu gom thể tích 1 m³; ngăn chứa hoá chất thể tích 0,99 m³; ngăn phản ứng hoá lý - đông keo tụ thể tích 0,99 m³; ngăn phản ứng khí học thể tích 1,881 m³; ngăn lọc than hoạt tính thể tích 0,297 m³; ngăn lắng thể tích 0,173 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: AlCl₃, than hoạt tính, polyacrylamide (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường để nhanh chóng phát hiện sự cố và có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã xây dựng.

+ Vận hành và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị, đường ống vận chuyển theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: 01 máy bơm, 01 máy thổi khí để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Biện pháp ứng phó:

+ Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu phải dừng ngay việc xả nước thải ra môi trường và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

+ Trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài, các bể trong hệ thống không còn khả năng lưu chứa, Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý nước thải không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tân Trường.

3.2. Trong quá trình xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Tân Trường nếu có sự cố bất thường, phải báo cáo kịp thời về Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang để có biện pháp xử lý.

3.3. Công ty TNHH Three - Color Stone Stationery (Việt Nam) chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1595/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

01 nguồn: Khí thải phát sinh từ khu vực in.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải

- 01 dòng: Tương ứng với ống phóng không của hệ thống xử lý khí thải tại khu vực in.

2.2. Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰30', múi
chiều 3⁰): X(m) = 2314385; Y(m) = 575044.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000 m³/h.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: 8/24h.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT mức B với K_p = 1,0; K_v = 1,0) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B		QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			C	C _{max}			
Đối với khí thải từ Ống phóng của hệ thống xử lý hơi dung môi						Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	200	-		
2	NH ₃	mg/Nm ³	50	50	-		
3	Xylen	mg/Nm ³	-	-	870		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Khí thải phát sinh từ công đoạn in được thu gom bằng hệ thống kèm theo thiết bị, sau đó được đưa qua đường ống tôn mạ kẽm có kích thước 150x200mm, dài 5m về module hấp thụ và hấp phụ. Khí thải sạch sau khi qua thiết bị xử lý được quạt hút công suất 5.000 m³/h hút đẩy vào ống phóng không thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ máy in → Đường ống gom khí → Modul hấp thụ và hấp phụ → Quạt hút → Khí sạch phóng không.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật hệ thống: 01 quạt hút công suất 2,2kW, lưu lượng gió 5.000 m³/h; đường ống thu khí: kích thước 150x200mm, tổng chiều dài 5m; Module hấp thụ và hấp phụ hình trụ: D2.000, cao 2,4m. Vùng hấp phụ đường kính 2m, độ dày 10cm; vùng hấp thụ dung tích 300 lít, đường kính 2m, chiều cao 1,5m; vùng lắng của dung dịch hấp thụ (nằm ở đáy của modul) đường kính 2m, độ cao 20cm; đường ống giàn phun: Bơm công suất 1,5Kw, đường ống PVC D34, giàn phun có 3 đầu phun; Ống phóng không: kích thước 350x350mm, cao 3,3m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa sự cố

+ Công nhân vận hành phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý và phát tán bụi từ các hệ thống xử lý;

+ Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, van điều khiển, quạt hút... Đồng thời, thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

+ Chuẩn bị một số thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như: bơm dự phòng, hệ thống van, đường ống và các phụ tùng khác;

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động để có biện pháp khắc phục kịp thời;

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;

+ Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;

- + Lấy mẫu và phân tích chất lượng khí thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;
- + Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị quạt, thông gió.
- + Giáo dục tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường và tập huấn phòng chống ứng cứu sự cố rủi ro cho cán bộ, công nhân viên của nhà máy
- Biện pháp khắc phục:
 - + Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.
 - + Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.
 - + Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.
 - + Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý không khí bị trục trặc, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra trục trặc thiết bị.
 - + Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.
 - + Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực bị hư hỏng thiết bị xử lý không khí cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.
 - + Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý khí thải không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*)..

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Công ty TNHH Three - Color Stone Stationery (Việt Nam) chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1595/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh.

01 nguồn: Khu vực máy nén khí, quạt hút của hệ thống xử lý khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰): X (m) = 2314384; Y (m) = 575041.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các xưởng sản xuất được bố trí rộng thoáng, hệ thống thông gió hoạt động tốt. Các máy móc được bố trí lắp đặt ở khoảng cách hợp lý để giảm thiểu tối đa sự cộng hưởng tiếng ồn.

- Thực hiện bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Khi thiết bị được thay thế phụ tùng thì thiết bị thay thế

phải đúng thông số của nhà sản xuất.

- Vận hành máy không được quá công suất thiết kế của máy.
- Công nhân làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ chống ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1595/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại CTNH	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái	Khối lượng	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5	NH
2	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Rắn	95	NH
3	Bao bì mềm thải (túi thải dính nhiễm mực in,...)	18 01 01	Rắn	98	KS
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	Rắn	353	KS
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	Rắn		KS
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	399	KS
7	Pin thải, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	4	NH
8	Bùn thải HTXL nước thải mực in	12 06 05	Bùn	909	KS
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	200	NH
10	Mực in hỏng thải bỏ	08 02 01	Lỏng	33.000	KS
Tổng				35.013	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (tấn/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy vụn thải từ quá trình cắt, lõi giấy, sản phẩm lỗi, bìa catton	12 08 03	Rắn	800	TT-R
2	Ghim hỏng, còng sổ, nẹp	14 01 14	Rắn	1	TT-R
3	Hộp keo	18 01 06 18 01 08	Rắn	3,5	TT-R
4	Dây buộc, nilon (bao gói) thải	18 01 06	Rắn	5,5	TT-R
5	Nhựa PVC, pallet nhựa hỏng	11 02 04	Rắn	3	TT-R
6	Pallet gỗ hỏng	11 02 02	Rắn	2,3	TT-R
7	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và bể tự hoại	12 06 10	Bùn	2,578	TT
Tổng				817,88	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 6,835 tấn/ năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Đối với các loại chất thải nguy hại khác: Lưu chứa tại thùng có nắp đậy, có dán mã CTNH, lưu giữ tại kho chứa CTNH.

2.1.2. Khu lưu chứa chất thải nguy hại

Kho lưu chứa chất thải nguy hại: diện tích 30 m², nhà cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào. Bên trong kho chứa có biển phân khu, rác thải nguy hại được phân chia từng loại và để riêng, có rãnh thu và hồ thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng, được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút, có biển cảnh báo, phòng ngừa sự cố theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Kho chứa chất thải rắn công nghiệp: diện tích 55 m², vị trí tại góc nhà xưởng tầng 1, được ngăn với khu vực sản xuất bằng tường di động, chất liệu làm bằng sắt, cao 2m.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Thiết bị chứa: 04 thùng chứa có nắp đậy loại 100 lít và 04 xe đẩy tay dung tích 400 lít.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1595/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.